

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
ĐỘC LẬP - TỰ DO - HẠNH PHÚC

----- *** -----

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

QUÝ II NĂM 2015

ĐƠN VỊ: CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN Á CHÂU

BAO GỒM: * *BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN*
 * *BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH*
 * *BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ*
 * *THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH*

Nam Cấm, ngày 16 tháng 07 năm 2015

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN Á CHÂU

Địa chỉ: Lô 32C KCN Nam Cẩm, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ II

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2015

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý II năm 2015

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2015

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối quý	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		39,245,862,769	36,621,047,827
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	8,116,864,399	7,146,535,931
1. Tiền	111		8,116,864,399	7,146,535,931
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh (*)	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		22,586,428,542	14,174,348,696
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.2	18,369,140,691	13,936,921,621
2. Trả trước cho người bán	132	V.3	3,139,222,000	10,175,000
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.4	1,547,493,089	227,252,075
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137	V.5	(469,427,238)	-
IV. Hàng tồn kho	140		7,611,754,334	12,668,681,333
1. Hàng tồn kho	141	V.6	7,611,754,334	12,668,681,333
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		930,815,494	2,631,481,867
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.7	616,610,844	329,154,170
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		303,789,669	2,302,327,697
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.8	10,414,981	-
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN Á CHÂU

Địa chỉ: Lô 32C KCN Nam Cẩm, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ II

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2015

Bảng cân đối kế toán tổng hợp (tiếp theo)

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối quý	Số đầu năm
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		43,467,883,623	41,782,748,177
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
3. Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu dài hạn nội bộ	214		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216		-	-
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		34,977,037,961	36,815,002,061
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.9	34,287,936,122	36,098,336,150
<i>Nguyên giá</i>	222		57,684,495,655	57,270,586,564
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(23,396,559,533)	(21,172,250,414)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
<i>Nguyên giá</i>	225		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.10	689,101,839	716,665,911
<i>Nguyên giá</i>	228		1,134,381,101	1,134,381,101
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(445,279,262)	(417,715,190)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
<i>Nguyên giá</i>	231		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	232		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240	V.11	7,865,887,306	3,938,706,727
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		7,865,887,306	3,938,706,727
V. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		-	-
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		-	-
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	254		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		624,958,356	1,029,039,389
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.12	624,958,356	1,029,039,389
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		82,713,746,392	78,403,796,004

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN Á CHÂU

Địa chỉ: Lô 32C KCN Nam Cẩm, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ II

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2015

Bảng cân đối kế toán tổng hợp (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối quý	Số đầu năm
A - NỢ PHẢI TRẢ	300		42,644,984,171	32,611,485,069
I. Nợ ngắn hạn	310		35,491,939,171	28,942,256,069
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.13	16,133,930,740	13,066,006,877
2. Người mua trả tiền trước	312	V.14	205,726,500	42,500,000
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.15	374,311,618	176,204,416
4. Phải trả người lao động	314		2,620,669,576	3,896,326,121
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.16	563,875,912	285,762,484
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.17	3,392,956,975	4,962,381
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.18	12,005,488,730	11,082,140,080
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.19	194,979,120	388,353,710
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	330		7,153,045,000	3,669,229,000
1. Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337		-	-
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.20	7,153,045,000	3,669,229,000
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-
B - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		40,068,762,221	45,792,310,935
I. Vốn chủ sở hữu	410		40,068,762,221	45,792,310,935
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	V.21	28,500,000,000	28,500,000,000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		28,500,000,000	28,500,000,000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418	V.22	8,060,731,815	7,776,519,735
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	V.23	3,508,030,406	9,515,791,200
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		-	-
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		3,508,030,406	9,515,791,200
12. Nguồn vốn đầu tư XDCB	422		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		82,713,746,392	78,403,796,004

Số này phải được đọc cùng với Bản thuyết minh Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN Á CHÂU

Địa chỉ: Lô 32C KCN Nam Cẩm, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An
BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ II

Lập ngày 15 tháng 07 năm 2015

Người lập biểu

Lưu Thị Thu

Kế toán trưởng

Nguyễn Văn Chương



Giám đốc

Hoàng Trọng Diên

08
ON
OI
Á
I
/L
LO

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN Á CHÂU

Địa chỉ: Lô 32C KCN Nam Cẩm, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ II

Kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2015

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ

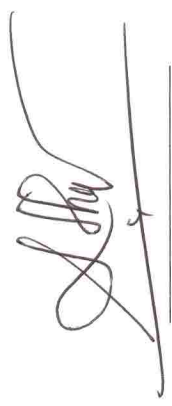
Quý II năm 2015

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã Thuyết số minh	Quý II		Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
		Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	39,139,976,456	29,205,339,220	72,404,838,624	54,354,105,378
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	669,274,223	711,540,090	1,194,662,943	1,798,860,998
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	38,470,702,233	28,493,799,130	71,210,175,681	52,555,244,380
4. Giá vốn hàng bán	11	22,226,812,246	14,749,996,192	40,510,645,947	27,002,308,718
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20	16,243,889,987	13,743,802,938	30,699,529,734	25,552,935,662
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	25,175,708	238,383,293	50,164,718	389,186,192
7. Chi phí tài chính	22	281,844,367	239,845,921	659,111,518	323,943,345
Trong đó: chi phí lãi vay	23	143,395,241	98,222,265	294,839,012	168,309,116
8. Chi phí bán hàng	24	11,960,177,228	10,286,177,330	23,063,947,680	19,339,153,589
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	1,992,657,614	1,144,415,201	3,328,098,108	2,407,846,632
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30	2,034,386,486	2,311,747,779	3,698,537,146	3,871,178,288
11. Thu nhập khác	31	15,000,000	-	15,000,000	6,960,466
12. Chi phí khác	32	230,130	1,680,000	4,730,585	6,511,000
13. Lợi nhuận khác	40	14,769,870	(1,680,000)	10,269,415	449,466
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50	2,049,156,356	2,310,067,779	3,708,806,561	3,871,627,754
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	115,878,193	115,957,642	260,776,155	195,572,985

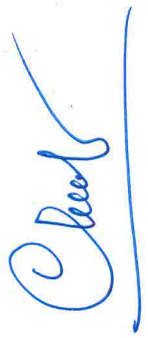
52	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	-	-
60	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	1,933,278,163	2,194,110,137
70	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	678	770
71	Lãi suy giảm trên cổ phiếu	1,231	1,290

Người lập biểu



Lưu Thị Thu

Kế toán trưởng



Nguyễn Văn Chương



Hoàng Trọng Diên

1121 2015 2 2 / 6/1

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN Á CHÂU

Địa chỉ: Lô 32C KCN Nam Cẩm, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ II

Kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2015

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ

(Theo phương pháp trực tiếp)

Quý II năm 2015

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
			Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Tiền thu bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		72,816,414,629	55,819,323,540
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02		(53,031,971,152)	(35,172,827,286)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(10,260,124,216)	(7,735,278,451)
4. Tiền chi trả lãi vay	04		(286,661,517)	(287,591,975)
5. Tiền chi nộp thuế Thu nhập doanh nghiệp	05		(173,465,703)	(188,706,785)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		2,488,617,524	1,096,314,864
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(5,506,778,709)	(4,460,442,838)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động SX - KD	20		6,046,030,856	9,070,791,069
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TS dài hạn khác	21		(4,953,568,000)	(6,415,278,300)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và TS dài hạn khác	22		-	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của các đơn vị khác	23		-	(13,610,683,626)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	16,140,064,442
5. Tiền chi cho đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		9,538,826	197,972,960
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(4,944,029,174)	(3,687,924,524)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại CP của DN đã phát hành	32		-	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		20,747,362,630	6,569,790,700
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(16,477,106,538)	(7,943,362,427)
5. Tiền chi trả nợ thuế tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(4,402,174,000)	(6,495,806,000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	30		(131,917,908)	(7,869,377,727)

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN Á CHÂU

Địa chỉ: Lô 32C KCN Nam Cẩm, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ II

Kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2015

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (tiếp theo)

Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		970,083,774	(2,486,511,182)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	7,146,535,931	7,843,834,559
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		244,694	177,986
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	V.1	<u>8,116,864,399</u>	<u>5,357,501,363</u>

Người lập biểu

Lưu Thị Thu

Kế toán trưởng

Nguyễn Văn Chương



Lập ngày 15 tháng 07 năm 2015

Giám đốc

Hoàng Trọng Diên

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN Á CHÂU

Địa chỉ: Lô 32C Khu Công nghiệp Nam Cẩm, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ báo cáo kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

cho kỳ báo cáo kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2015

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. **Hình thức sở hữu vốn** : Công ty cổ phần
2. **Lĩnh vực kinh doanh** : Sản xuất
3. **Ngành nghề kinh doanh** :
 - Khảo sát, thăm dò, khai thác, chế biến khoáng sản (đá, cát, sỏi, quặng kim loại);
 - Sản xuất, mua bán sản phẩm bột đá trắng siêu mịn.
4. **Nhân viên**
Tại ngày 30 tháng 06 năm 2015 Công ty có 97 nhân viên đang làm việc (tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 là 96 nhân viên).

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. **Năm tài chính**
Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.
2. **Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**
Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. **Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng**
 - Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC về hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp thay thế Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư số 244/209/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính.
 - Thông tư số 202/2014/TT-BTC về hướng dẫn lập Báo cáo tài chính hợp nhất thay thế cho các hướng dẫn liên quan đến lập Báo cáo tài chính hợp nhất tại Thông tư số 161/2007/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2007 của Bộ Tài chính.
2. **Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán**
Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC về hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp thay thế Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 và Thông tư số 202/2014/TT-BTC về hướng dẫn lập Báo cáo tài chính hợp nhất thay thế cho các hướng dẫn liên quan đến lập Báo cáo tài chính hợp nhất tại Thông tư số 161/2007/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2007 của Bộ Tài chính của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư số 244/209/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính.

Các quy định của các thông tư này được áp dụng cho việc ghi sổ, lập và trình bày Báo cáo tài chính từ năm 2015 trở đi.

3. **Hình thức kế toán áp dụng**
Công ty sử dụng hình thức kế toán trên máy vi tính.

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN Á CHÂU

Địa chỉ: Lô 32C Khu Công nghiệp Nam Cẩm, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ báo cáo kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Tiền và tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

3. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận khi giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Tăng hoặc giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận vào giá vốn hàng bán trong năm.

4. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

5. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận ngay vào chi phí.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN Á CHÂU

Địa chỉ: Lô 32C Khu Công nghiệp Nam Cẩm, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ báo cáo kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	5 – 30
Máy móc và thiết bị	3 – 15
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	6 – 10
Tài sản cố định khác	6

6. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm:

Quyền khai thác mỏ

Quyền khai thác mỏ là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính để có quyền khai thác mỏ đá. Quyền khai thác mỏ được khấu hao trong 20 năm.

Chứng nhận hệ thống quản lý chất lượng (ISO)

Chứng nhận hệ thống quản lý chất lượng là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra để được cấp giấy chứng nhận hệ thống quản lý chất lượng. Chứng nhận hệ thống quản lý chất lượng được khấu hao từ 4 đến 6 năm.

7. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp đến việc xây dựng nhà xưởng và lắp đặt máy móc, thiết bị chưa hoàn thành và chưa lắp đặt xong. Các tài sản đang trong quá trình xây dựng cơ bản dở dang và lắp đặt không được tính khấu hao.

8. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa.

9. Chi phí trả trước dài hạn

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm.

10. Chi phí phải trả

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hóa, dịch vụ đã sử dụng.

11. Nguồn vốn kinh doanh

Là nguồn vốn đầu tư của chủ sở hữu, được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông.

12. Cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được công bố.

13. Trích lập các quỹ

Mức trích lập các quỹ được thực hiện theo Nghị quyết Đại hội cổ đông hàng năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN Á CHÂU

Địa chỉ: Lô 32C Khu Công nghiệp Nam Cẩm, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ báo cáo kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

14. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 10% trên thu nhập chịu thuế trong vòng 15 năm kể từ khi dự án đầu tư bắt đầu hoạt động kinh doanh. Công ty được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong bốn (04) năm đầu tiên kể từ khi có thu nhập chịu thuế (từ năm 2008 đến hết năm 2011) và giảm 50% trong chín (09) năm tiếp theo (từ năm 2012 trở đi).

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm là thuế thu nhập hiện hành, là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

15. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được quy đổi theo tỷ giá tại ngày kết thúc năm tài chính.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản: Là tỷ giá mua ngoại tệ của từng ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp có giao dịch tại thời điểm lập Báo cáo Tài chính. Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng thì tỷ giá thực tế khi đánh giá lại là tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi doanh nghiệp mở tài khoản ngoại tệ. Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: Là tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi tại thời điểm ngày: 31/12/2014 : 21.370,00 VND/USD

30/06/2015 : VND/USD

Ngân hàng	TG mua chuyển khoản	TG bán chuyển khoản
VCB – CN Trung Đô	21.780,00	21.840,00
VIB – CN Vinh	21.785,00	21.845,00
MB – CN Nghệ An	21.775,00	21.840,00

16. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với việc sở hữu cũng như quyền quản lý hàng hóa, thành phẩm đó được chuyển giao cho người mua, và không còn tồn tại yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền, chi phí kèm theo hoặc khả năng hàng bán bị trả lại.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng năm.

17. Tài sản tài chính

Phân loại tài sản tài chính

Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Các tài sản tài chính của Công ty gồm các nhóm: các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, các khoản phải thu.

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN Á CHÂU

Địa chỉ: Lô 32C Khu Công nghiệp Nam Cẩm, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ báo cáo kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Công ty có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn.

Các khoản phải thu

Các khoản phải thu là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường.

Giá trị ghi sổ ban đầu của tài sản tài chính

Các tài sản tài chính được ghi nhận tại ngày mua và dùng ghi nhận tại ngày bán. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

18. Nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu

Các công cụ tài chính được phân loại là nợ phải trả tài chính hoặc công cụ vốn chủ sở hữu tại thời điểm ghi nhận ban đầu phù hợp với bản chất và định nghĩa của nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu.

Nợ phải trả tài chính

Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Nợ phải trả tài chính của Công ty gồm các khoản phải trả người bán, vay và nợ, các khoản phải trả khác.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được ghi nhận ban đầu theo giá gốc cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến nợ phải trả tài chính đó.

Công cụ vốn chủ sở hữu

Công cụ vốn chủ sở hữu là hợp đồng chứng tỏ được những lợi ích còn lại về tài sản của Công ty sau khi trừ đi toàn bộ nghĩa vụ.

19. Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chỉ được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Công ty:

- Có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận; và
- Có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

20. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

21. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN Á CHÂU

Địa chỉ: Lô 32C Khu Công nghiệp Nam Cẩm, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ báo cáo kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Giao dịch với các bên có liên quan trong năm được trình bày ở thuyết minh số VII.1.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	<u>Số cuối quý</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt	3.053.748.980	563.501.655
Tiền gửi ngân hàng	5.063.115.419	6.583.034.276
Cộng	<u>8.116.864.399</u>	<u>7.146.535.931</u>

2. Phải thu khách hàng

	<u>Số cuối quý</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải thu khách hàng trong nước	16.329.008.091	13.936.921.621
Phải thu khách hàng nước ngoài	2.040.132.600	-
Cộng	<u>18.369.140.691</u>	<u>13.936.921.621</u>

3. Trả trước cho người bán

	<u>Số cuối quý</u>	<u>Số đầu năm</u>
Trả trước cho nhà cung cấp trong nước	3.139.222.000	10.175.000
Trả trước cho nhà cung cấp nước ngoài	-	-
Cộng	<u>3.139.222.000</u>	<u>10.175.000</u>

4. Các khoản phải thu khác

	<u>Số cuối quý</u>	<u>Số đầu năm</u>
Đội khai thác mỏ đá Chậu Quang	30.473.981	32.683.981
Phải thu tiền bảo hiểm	63.368.048	43.801.790
Phải thu khác	1.453.651.060	150.766.304
Cộng	<u>1.547.493.089</u>	<u>227.252.075</u>

5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

	<u>Số cuối quý</u>	<u>Số đầu năm</u>
Dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán	(469.427.238)	-
- Dự phòng cho các khoản nợ phải thu quá hạn dưới 1 năm	(165.727.238)	-
- Dự phòng cho các khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm	(303.700.000)	-
- Dự phòng cho các khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm	-	-
- Dự phòng cho các khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên	-	-
Dự phòng nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi	-	-
Cộng	<u>(469.427.238)</u>	<u>-</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN Á CHÂU

Địa chỉ: Lô 32C Khu Công nghiệp Nam Cẩm, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ báo cáo kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**6. Hàng tồn kho**

	<u>Số cuối quý</u>	<u>Số đầu năm</u>
Nguyên liệu, vật liệu	3 805 086 103	6.650.833.271
Công cụ, dụng cụ	134 389 634	436.015.365
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	726 350 175	1.106.415.425
Thành phẩm	2 680 596 243	4.419.079.959
Hàng hóa	265 332 179	56.337.313
Cộng	<u>7.611.754.334</u>	<u>12.668.681.333</u>

7. Chi phí trả trước ngắn hạn

	<u>Số cuối quý</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi phí bảo hiểm	-	2.057.258
Công cụ dụng cụ	158.525.411	111.611.429
Chi phí sửa chữa	78.550.834	102.712.742
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	379.534.599	112.772.741
Cộng	<u>616.610.844</u>	<u>329.154.170</u>

8. Tài sản ngắn hạn khác

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN Á CHÂU

Địa chỉ: Lô 32C Khu Công nghiệp Nam Cẩm, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ báo cáo kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

9. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Tài sản cố định khác	Cộng
Nguyên giá					
Số đầu năm	15.791.821.005	38.197.714.027	3.238.900.052	42.151.480	57.270.586.564
Tăng trong kỳ	-	-	375.727.273	38.181.818	413.909.091
- Mua sắm mới	-	-	375.727.273	38.181.818	413.909.091
- Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	-	-	-	-	-
Phân loại lại	-	(568.181.818)	568.181.818	-	-
Số cuối kỳ	15.791.821.005	37.629.532.209	4.182.809.143	80.333.299	57.684.495.655
<i>Trong đó:</i>					
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	621.120.453	731.660.229	667.558.250	42.151.480	2.062.490.413
Giá trị hao mòn					
Số đầu năm	4.815.007.936	14.887.236.746	1.427.854.252	42.151.480	21.172.250.414
Tăng do khấu hao trong kỳ	526.626.312	1.517.521.971	179.948.715	212.121	2.224.309.119
Phân loại lại	-	(386.679.286)	386.679.286	-	-
Số cuối kỳ	5.341.634.248	16.018.079.430	1.994.482.253	42.363.602	23.396.559.533
Giá trị còn lại					
Số đầu năm	10.976.813.069	23.310.477.281	1.811.045.800	-	36.098.336.150
Số cuối kỳ	10.450.186.757	21.611.452.779	2.303.322.182	37.969.697	34.287.936.123
<i>Trong đó:</i>					
Tạm thời chưa sử dụng	-	-	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-	-	-

Tài sản cố định hữu hình có nguyên giá và giá trị còn lại theo sổ sách lần lượt là 9.852.147.875 VND và 9.313.928.684 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho khoản vay của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Trung Đô.

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN Á CHÂU

Địa chỉ: Lô 32C Khu Công nghiệp Nam Cẩm, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ báo cáo kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**10. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình**

	Quyền Khai thác mỏ	Chứng nhận hệ thống QLCL (ISO)	Cộng
Nguyên giá			
Số đầu năm	1.102.562.919	31.818.182	1.134.381.101
Tăng trong kỳ	-	-	-
Giảm trong kỳ	-	-	-
Số cuối kỳ	1.102.562.919	31.818.182	1.134.381.101
<i>Trong đó:</i>			
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	-	31.818.182	31.818.182
Giá trị hao mòn			
Số đầu năm	385.897.008	31.818.182	417.715.190
Tăng do khấu hao trong kỳ	27.564.072	-	27.564.072
Giảm trong kỳ	-	-	-
Số cuối kỳ	413.461.080	31.818.182	445.279.262
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	716.665.911	-	716.665.911
Số cuối kỳ	689.101.839	-	689.101.839
<i>Trong đó:</i>			
Tạm thời chưa sử dụng	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-

11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong kỳ	Kết chuyển vào TSCĐ trong kỳ	Số cuối kỳ
Kho chứa vật liệu	112.045.818	-	-	112.045.818
Đường nội bộ mỏ đá Châu Hồng	1.963.024.545	-	-	1.963.024.545
Dây chuyền nghiền đá	-	2.791.119.579	-	2.791.119.579
Dự án mỏ đá Châu Hồng	1.863.636.364	1.136.061.000	-	2.999.697.364
Cộng	3.938.706.727	3.927.180.579	-	7.865.887.306

12. Chi phí trả trước dài hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Chi phí công cụ, dụng cụ	617.906.965	852.421.243
Chi phí sửa chữa	7.051.391	145.255.456
Chi phí trả trước dài hạn khác	-	31.362.690
Cộng	624.958.356	1.029.039.389

13. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Vay ngắn hạn ngân hàng	12.005.488.730	9.372.540.080
- Ngân hàng TMCP Ngoại thương - Chi nhánh Trung Đô	5.449.479.340	6.850.880.080
- Ngân hàng TMCP Quốc tế - Chi nhánh Vinh	4.808.809.390	-

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN Á CHÂU

Địa chỉ: Lô 32C Khu Công nghiệp Nam Cẩm, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ báo cáo kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Nghệ An	-	2.521.660.000
Vay dài hạn đến hạn trả	1.747.200.000	1.709.600.000
Cộng	<u>12.005.488.730</u>	<u>11.082.140.080</u>

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay

	<u>Vay ngắn hạn ngân hàng</u>	<u>Vay dài hạn đến hạn trả</u>	<u>Cộng</u>
Số đầu năm	9.372.540.080	1.709.600.000	11.082.140.080
Số tiền vay phát sinh	17.217.860.390.	-	17.217.860.390
Kết chuyển từ vay dài hạn	-	-	-
Số tiền vay đã trả	(16.477.106.538)	-	(16.477.106.538)
CLTG phát sinh trong thanh toán	(8.424.542)	-	(8.424.542)
CLTG đánh giá lại cuối quý	153.419.340	37.600.000	153.419.340
Số cuối kỳ	<u>10.258.288.730</u>	<u>1.747.200.000</u>	<u>12.005.488.730</u>

14. Phải trả người bán

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải trả cho nhà cung cấp trong nước	16.130.851.300	13.062.993.707
Phải trả cho nhà cung cấp nước ngoài	3.079.440	3.013.170
Cộng	<u>16.133.930.740</u>	<u>13.066.006.877</u>

15. Người mua trả tiền trước

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Khách hàng trong nước trả tiền trước	-	42.500.000
Khách hàng nước ngoài trả tiền trước	205.726.500	-
Cộng	<u>205.726.500</u>	<u>42.500.000</u>

16. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Số phải nộp trong kỳ</u>	<u>Số đã nộp trong kỳ</u>	<u>Số cuối kỳ</u>
Thuế GTGT HH, DV mua vào	-	158.785.246	(158.785.246)	-
Thuế xuất khẩu	-	1.194.662.943	(1.194.662.943)	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	88.567.741	200.776.155	(173.465.703)	115.878.193
Thuế thu nhập cá nhân	1.905.000	256.461.686	(27.660.686)	230.706.000
Thuế tài nguyên	57.877.785	227.271.735	(264.598.605)	20.550.915
Tiền thuê đất	-	-	-	-
Thuế môn bài	-	3.000.000	(3.000.000)	-
Phí môi trường	25.453.890	61.628.490	(79.905.870)	7.176.510
Tiền cấp quyền khai thác KS	-	1.286.943.000	(1.286.943.000)	-
Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	2.400.000	-	(2.400.000)	-
Cộng	<u>176.204.416</u>	<u>3.389.529.255</u>	<u>(3.191.422.053)</u>	<u>374.311.618</u>

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ với thuế suất như sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN Á CHÂU

Địa chỉ: Lô 32C Khu Công nghiệp Nam Cẩm, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ báo cáo kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Bột đá bán trong nước	10%
Bột đá xuất khẩu	0%

Thuế xuất, nhập khẩu

Công ty kê khai và nộp theo thông báo của Hải quan.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm được dự tính như sau:

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
	Năm nay	Năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	2.049.156.356	2.310.067.779
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:	44.753.873	9.085.064
- Các khoản điều chỉnh tăng	45.935.267	29.478.850
Chi phí không hợp lệ	19.241.230	5.654.000
Thù lao HĐQT không trực tiếp điều hành	26.694.037	23.824.850
- Các khoản điều chỉnh giảm	(1.181.394)	(20.393.786)
Lãi Chênh lệch tỷ giá đánh giá lại tiền	(1.181.394)	(20.393.786)
Thu nhập chịu thuế	2.093.910.229	2.319.152.843
Trong đó:		
Thu nhập chịu thuế suất thuế TNDN 10%:	2.028.129.749	2.319.152.843
Thu nhập chịu thuế suất thuế TNDN 22%:	65.780.480	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp dự tính phải nộp	217.284.681	231.915.284
Thuế thu nhập doanh nghiệp được giảm 50%	(101.406.487)	(115.957.642)
Tổng thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	115.878.193	115.957.642

Thuế tài nguyên

Công ty nộp thuế tài nguyên cho hoạt động khai thác đá hộc trắng

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo quy định.

17. Chi phí phải trả

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Chi phí lãi vay phải trả	65.421.196	57.045.631
Chi phí vận chuyển phục vụ bán hàng	355.930.000	180.781.818
Chi phí phải trả khác	142.524.716	47.935.035
Cộng	563.875.912	285.762.484

18. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Kinh phí công đoàn	5.102.550	-
Phải trả Tổng Công ty Hợp tác kinh tế	3.211.922.370	-
Phải trả khác	175.932.055	4.962.381
Cộng	3.392.956.975	4.962.381

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN Á CHÂU

Địa chỉ: Lô 32C Khu Công nghiệp Nam Cẩm, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ báo cáo kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

19. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Chi tiết phát sinh quỹ khen thưởng trong năm như sau:

	<u>Kỳ này</u>	<u>Năm trước</u>
Số đầu năm	388.353.710	83.646.722
Tăng do trích lập từ lợi nhuận	951.579.120	976.806.988
Chi quỹ	(1.144.953.710)	(672.100.000)
Số cuối kỳ	194.979.120	388.353.710

20. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn

Là khoản vay ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Trung Đô để đầu tư xây dựng dây chuyền chế biến bột đá trắng siêu mịn trắng phủ, dây chuyền nghiền đũa với lãi suất áp dụng theo thông báo lãi suất ưu đãi của VCB Trung Đô đối với Công ty Cổ phần Khoáng Sản Á Châu và được điều chỉnh 3 tháng/lần, thời hạn vay 60 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên, số tiền vay được hoàn trả hàng quý. Khoản vay này được đảm bảo bằng tài sản hình thành từ vốn vay

Kỳ hạn thanh toán vay và nợ dài hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Từ 1 năm trở xuống	1.747.200.000	1.709.600.000
Trên 1 năm đến 5 năm	5.405.845.000	3.669.229.000
Trên 5 năm	-	-
Tổng nợ	7.153.045.000	5.378.829.000

Chi tiết số phát sinh về khoản vay dài hạn

	<u>Kỳ này</u>	<u>Năm trước</u>
Số đầu năm	3.669.229.000	1.406.132.500
Số tiền vay phát sinh trong kỳ	3.403.117.000	5.755.295.000
Số tiền vay đã trả trong kỳ	-	(1.854.902.875)
CLTG phát sinh trong thanh toán	-	7.541.713
Kết chuyển sang nợ dài hạn đến hạn trả	-	(1.709.600.000)
CLTG đánh giá lại cuối kỳ	80.699.000	64.762.662
Số cuối kỳ	7.153.045.000	3.669.229.000

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN Á CHÂU

Địa chỉ: Lô 32C Khu Công nghiệp Nam Cẩm, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ báo cáo kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**21. Vốn chủ sở hữu****Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn góp của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm trước	28.500.000.000	5.422.990.218	1.542.266.621	9.768.069.884	45.233.326.723
Lợi nhuận trong năm trước	-	-	-	9.515.791.200	9.515.791.200
Trích lập các quỹ trong năm trước	-	322.859.402	488.403.494	(1.788.069.884)	(976.806.988)
Chia cổ tức năm trước	-	-	-	(7.980.000.000)	(7.980.000.000)
Số dư cuối năm trước	28.500.000.000	5.745.849.620	2.030.670.115	9.515.791.200	45.792.310.935
Số dư đầu năm nay	28.500.000.000	5.745.849.620	2.030.670.115	9.515.791.200	45.792.310.935
Lợi nhuận trong kỳ này	-	-	-	3.508.030.406	3.508.030.406
Trích lập các quỹ trong kỳ này	-	284.212.080	-	(1.535.791.200)	(1.251.579.120)
Chia cổ tức kỳ này	-	-	-	(7.980.000.000)	(7.980.000.000)
Điều chỉnh theo TT200/2014/TT-BTC	-	2.030.670.115	(2.030.670.115)	-	-
Số dư cuối kỳ	28.500.000.000	8.060.731.815	-	3.508.030.406	40.068.762.221

Vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Vốn đầu tư của Nhà nước	11.400.000.000	11.400.000.000
Vốn góp của các cổ đông khác	17.100.000.000	17.100.000.000
Cộng	28.500.000.000	28.500.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN Á CHÂU

Địa chỉ: Lô 32C Khu Công nghiệp Nam Cẩm, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ báo cáo kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**Cổ tức**

Cổ tức đã chi trả như sau:

	<u>Kỳ này</u>	<u>Năm trước</u>
Trả cổ tức năm trước	4.632.880.000	7.980.000.000
Cộng	4.632.880.000	7.980.000.000

Cổ phiếu

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	2.850.000	2.850.000
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	2.850.000	2.850.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	2.850.000	2.850.000
- <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	-	-
- <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	2.850.000	2.850.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	2.850.000	2.850.000
- <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**1. Doanh thu****Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	<u>Quý II/2015</u>	<u>Quý II/2014</u>
Tổng doanh thu	39.139.976.456	29.205.339.220
- <i>Doanh thu bán hàng hóa</i>	9.828.797.118	2.331.681.513
- <i>Doanh thu bán thành phẩm</i>	29.210.940.293	26.873.657.707
- <i>Doanh thu vận chuyển hàng</i>	100.239.045	-
Các khoản giảm trừ doanh thu:	(669.274.223)	(711.540.090)
- <i>Thuế xuất khẩu</i>	(669.274.223)	(711.540.090)
Doanh thu thuần	38.470.702.233	28.493.799.130

Trong đó:

- <i>Doanh thu thuần bán hàng hóa</i>	9.827.541.055	2.303.913.993
- <i>Doanh thu thuần bán thành phẩm</i>	28.542.922.133	26.189.885.137
- <i>Doanh thu vận chuyển hàng</i>	100.239.045	-

2. Giá vốn hàng bán

	<u>Quý II/2015</u>	<u>Quý II/2014</u>
Giá vốn của hàng hóa đã cung cấp	6.916.982.842	1.558.989.153
Giá vốn của thành phẩm đã cung cấp ⁽¹⁾	15.275.370.839	13.191.007.039
Giá vốn dịch vụ cung cấp	34.458.565	-
Cộng	22.226.812.246	14.749.996.192

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN Á CHÂU

Địa chỉ: Lô 32C Khu Công nghiệp Nam Cẩm, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ báo cáo kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	<u>Quý II/2015</u>	<u>Quý II/2014</u>
Lãi tiền gửi không kỳ hạn	4.806.941	5.118.970
Lãi tiền gửi có kỳ hạn	-	198.554.423
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	20.368.767	34.709.900
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-	-
Cộng	<u>25.175.708</u>	<u>238.383.293</u>

4. Chi phí tài chính

	<u>Quý II/2015</u>	<u>Quý II/2014</u>
Chi phí lãi vay	143.395.241	98.222.265
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	25.085.625	54.096.654
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	113.363.501	87.527.002
Cộng	<u>281.844.367</u>	<u>239.845.921</u>

5. Chi phí bán hàng

	<u>Quý II/2015</u>	<u>Quý II/2014</u>
Chi phí nhân viên	102.679.600	44.626.000
Chi phí vật liệu, bao bì	329.662.200	197.077.545
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	555.129.684	327.374.718
Chi phí khấu hao TSCĐ	8.655.909	11.290.377
Chi phí tự vận chuyển	88.577.334	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	10.597.260.942	9.589.888.671
Chi phí bằng tiền khác	278.211.559	115.920.019
Cộng	<u>11.960.177.228</u>	<u>10.286.177.330</u>

6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	<u>Quý II/2015</u>	<u>Quý II/2014</u>
Chi phí nhân viên quản lý	952.713.499	894.098.409
Chi phí vật liệu quản lý	82.620.339	60.056.723
Chi phí đồ dùng văn phòng	39.764.432	16.563.907
Chi phí khấu hao TSCĐ	61.420.566	18.635.598
Thuế, phí và lệ phí	3.360.000	-
Chi phí dự phòng	469.427.238	(169.188.598)
Chi phí dịch vụ mua ngoài	191.744.191	180.858.744
Chi phí bằng tiền khác	191.607.349	143.390.418
Cộng	<u>1.992.657.614</u>	<u>1.144.415.201</u>

7. Thu nhập khác

Là khoản công nợ đã xóa bỏ nay thu lại được một phần từ Công ty TNHH Hóa dược Hoàng An.

8. Chi phí khác

	<u>Quý II/2015</u>	<u>Quý II/2014</u>
Xử lý công nợ nhỏ lẻ	-	-
Chi phí khác	230.130	1.680.000
Cộng	<u>230.130</u>	<u>1.680.000</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN Á CHÂU

Địa chỉ: Lô 32C Khu Công nghiệp Nam Cẩm, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ báo cáo kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

9. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	<u>Quý II/2015</u>	<u>Quý II/2014</u>
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	1.933.278.163	2.194.110.137
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	-	-
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	1.933.278.163	2.194.110.137
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	2.850.000	2.850.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	678	770

Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ tính như sau:

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành đầu năm	2.850.000	2.850.000
Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông mua lại	-	-
Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông phát hành	-	-
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	2.850.000	2.850.000

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Giao dịch với các bên liên quan

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt như sau:

	<u>Quý II/2015</u>	<u>Quý II/2014</u>
Tiền lương	141.753.522	135.146.461
Phụ cấp	88.501.014	78.391.738
Cộng	230.254.536	213.538.199

Giao dịch với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Tổng Công ty Hợp tác Kinh tế	Công ty liên kết

Trong kỳ Công ty phát sinh giao dịch với Tổng Công ty Hợp tác Kinh tế như sau:

	<u>Kỳ này</u>
Chi phí BHXH, BHYT	9.923.925
Cổ tức năm 2014 phải trả	3.192.000.000

Tại ngày 30/06/2015, công nợ phải trả Tổng Công ty Hợp tác kinh tế là:

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Các khoản phải trả, phải nộp khác	3.211.922.370	-
Công nợ phải trả	3.211.922.370	-

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN Á CHÂU

Địa chỉ: Lô 32C Khu Công nghiệp Nam Cẩm, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ báo cáo kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**2. Thông tin về bộ phận**

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận chính yếu là theo khu vực địa lý.

Khu vực địa lý

Hoạt động của Công ty được phân bổ chủ yếu ở khu vực trong nước và nước ngoài.

Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo khu vực địa lý dựa trên vị trí của khách hàng của Công ty như sau:

	<u>Trong nước</u>	<u>Xuất khẩu</u>	<u>Cộng</u>
Kỳ này			
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	25.663.680.506	12.807.021.727	38.470.702.233
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận	-	-	-
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	<u>25.663.680.506</u>	<u>12.807.021.727</u>	<u>38.470.702.233</u>
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	<u>2.280.773.884</u>	<u>2.234.062.266</u>	<u>4.514.836.150</u>
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận			(2.223.781.005)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh			2.291.055.145
Doanh thu hoạt động tài chính			25.175.708
Chi phí tài chính			(281.844.367)
Thu nhập khác			15.000.000
Chi phí khác			(230.130)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành			(115.878.193)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại			-
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp			<u>1.933.278.163</u>
Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>(4.074.074.289)</u>
Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>(3.095.638.956)</u>
Kỳ trước			
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	18.466.792.747	10.027.006.383	28.493.799.130
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận	-	-	-
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	<u>18.466.792.747</u>	<u>10.027.006.383</u>	<u>28.493.799.130</u>
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	<u>2.226.892.992</u>	<u>1.524.732.950</u>	<u>3.751.625.942</u>
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận			(1.438.415.535)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh			2.313.210.407
Doanh thu hoạt động tài chính			238.383.293

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN Á CHÂU

Địa chỉ: Lô 32C Khu Công nghiệp Nam Cẩm, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ báo cáo kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	<u>Trong nước</u>	<u>Xuất khẩu</u>	<u>Cộng</u>
Chi phí tài chính			(239.845.921)
Thu nhập khác			-
Chi phí khác			(1.680.000)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành			(115.957.642)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại			-
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp			<u>2.194.110.137</u>

Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác

	<u>Trong nước</u>	<u>Xuất khẩu</u>	<u>Cộng</u>
	-	-	(926.076.998)

Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn

	<u>Trong nước</u>	<u>Xuất khẩu</u>	<u>Cộng</u>
	-	-	(1.004.370.154)

Tài sản và nợ phải trả của bộ phận theo khu vực địa lý dựa trên vị trí của khách hàng của Công ty như sau:

	<u>Trong nước</u>	<u>Xuất khẩu</u>	<u>Cộng</u>
Số cuối kỳ			
Tài sản trực tiếp của bộ phận	15.859.580.853	2.040.132.600	17.899.713.453
Tài sản phân bổ cho bộ phận	28.349.604.670	14.239.187.625	42.588.792.295
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận			22.225.240.644
Tổng tài sản			<u>82.713.746.392</u>

Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	-	205.726.500	205.726.500
Nợ phải trả phân bổ cho bộ phận	12.484.164.872	6.270.435.444	18.754.600.316
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận			23.684.657.355
Tổng nợ phải trả			<u>42.644.984.171</u>

Số đầu năm			
Tài sản trực tiếp của bộ phận	13.936.921.621	-	13.936.921.621
Tài sản phân bổ cho bộ phận	37.096.290.189	16.326.099.932	53.422.390.121
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận			11.044.484.262
Tổng tài sản			<u>78.403.796.004</u>

Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	42.500.000	-	42.500.000
Nợ phải trả phân bổ cho bộ phận	22.021.865.599	9.691.836.479	31.713.702.078
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận			855.282.991
Tổng nợ phải trả			<u>32.611.485.069</u>

Lĩnh vực kinh doanh

Hoạt động của Công ty chỉ nằm trong một lĩnh vực kinh doanh là sản xuất, mua bán sản phẩm bột đá trắng siêu mịn.

3. Quản lý rủi ro tài chính

Tổng quan

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN Á CHÂU

Địa chỉ: Lô 32C Khu Công nghiệp Nam Cẩm, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ báo cáo kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Hoạt động của Công ty phát sinh các rủi ro tài chính sau: rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro thị trường. Giám đốc chịu trách nhiệm trong việc thiết lập các chính sách và các kiểm soát nhằm giảm thiểu các rủi ro tài chính cũng như giám sát việc thực hiện các chính sách và các kiểm soát đã thiết lập. Việc quản lý rủi ro được thực hiện chủ yếu bởi Phòng Kế toán – Tài chính theo các chính sách và các thủ tục đã được Giám đốc phê duyệt.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

Công ty có các rủi ro tín dụng phát sinh chủ yếu từ các khoản phải thu khách hàng, tiền gửi ngân hàng.

Phải thu khách hàng

Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chỉ giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt, yêu cầu mở thư tín dụng hoặc có tài sản đảm bảo đối với các đơn vị giao dịch lần đầu hay chưa có thông tin về khả năng tài chính. Ngoài ra, nhân viên kế toán công nợ thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đơn đốc thu hồi.

Khoản phải thu khách hàng của Công ty liên quan đến nhiều đơn vị và cá nhân nên rủi ro tín dụng tập trung đối với khoản phải thu khách hàng là thấp.

Tiền gửi ngân hàng

Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và không có kỳ hạn của Công ty được gửi tại các ngân hàng có uy tín do vậy rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

Mức độ rủi ro tín dụng tối đa đối với các tài sản tài chính là giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính (xem thuyết minh số VII.4 về giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính).

Bảng phân tích về thời gian quá hạn và giảm giá của các tài sản tài chính như sau:

	Chưa quá hạn hay chưa bị giảm giá	Đã quá hạn và/hoặc bị giảm giá	Cộng
Số cuối kỳ			
Tiền và các khoản tương đương tiền	8.116.864.399	-	8.116.864.399
Phải thu khách hàng	17.209.316.566	1.159.824.125	18.369.140.691
Các khoản phải thu khác	30.473.981	-	30.473.981
Cộng	25.356.654.946	1.159.824.125	26.516.479.071
Số đầu năm			
Tiền và các khoản tương đương tiền	7.146.535.931	-	7.146.535.931
Phải thu khách hàng	13.936.921.621	-	13.936.921.621
Các khoản phải thu khác	32.683.981	-	32.683.981
Cộng	21.116.141.533	-	21.116.141.533

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN Á CHÂU

Địa chỉ: Lô 32C Khu Công nghiệp Nam Cẩm, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ báo cáo kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua các biện pháp: thường xuyên theo dõi các yêu cầu về thanh toán hiện tại và dự kiến trong tương lai để duy trì một lượng tiền cũng như các khoản vay ở mức phù hợp, giám sát các luồng tiền phát sinh thực tế với dự kiến nhằm giảm thiểu ảnh hưởng do biến động của luồng tiền.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính phi phái sinh dựa trên thời hạn thanh toán theo hợp đồng và chưa được chiết khấu như sau:

	<u>Từ 1 năm trở xuống</u>	<u>Trên 1 năm đến 5 năm</u>	<u>Trên 5 năm</u>	<u>Cộng</u>
Số cuối kỳ				
Vay và nợ	12.005.488.730	7.153.045.000	-	19.158.533.730
Phải trả người bán	16.133.930.740	-	-	16.133.930.740
Các khoản phải trả khác	3.956.832.887	-	-	3.956.832.887
Cộng	32.096.252.357	7.153.045.000	-	39.249.297.357
Số đầu năm				
Vay và nợ	11.082.140.080	3.669.229.000	-	14.751.369.080
Phải trả người bán	13.066.006.877	-	-	13.066.006.877
Các khoản phải trả khác	290.724.865	-	-	290.724.865
Cộng	24.438.871.822	3.669.229.000	-	28.108.100.822

Giám đốc cho rằng mức độ rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường.

Rủi ro thị trường liên quan đến hoạt động của Công ty gồm: rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro giá hàng hóa/nguyên vật liệu.

Các phân tích về độ nhạy, các đánh giá dưới đây liên quan đến tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2015 và ngày 31 tháng 12 năm 2014 trên cơ sở giá trị nợ thuần. Mức thay đổi của tỷ giá, lãi suất, giá hàng hóa/nguyên vật liệu sử dụng để phân tích độ nhạy được dựa trên việc đánh giá khả năng có thể xảy ra trong vòng một năm tới với các điều kiện quan sát được của thị trường tại thời điểm hiện tại.

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

Công ty xuất khẩu sản phẩm với đồng tiền giao dịch chủ yếu là USD do vậy bị ảnh hưởng bởi sự biến động của tỷ giá hối đoái.

Công ty quản lý rủi ro liên quan đến biến động của tỷ giá hối đoái bằng cách tối ưu thời hạn thanh toán các khoản nợ, dự báo tỷ giá ngoại tệ, duy trì hợp lý cơ cấu vay và nợ giữa ngoại tệ và VND, lựa chọn thời điểm mua và thanh toán các khoản ngoại tệ tại thời điểm tỷ giá thấp, sử dụng tối ưu nguồn tiền hiện có để cân bằng giữa rủi ro tỷ giá và rủi ro thanh khoản.

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN Á CHÂU

Địa chỉ: Lô 32C Khu Công nghiệp Nam Cẩm, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ báo cáo kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Tài sản/(Nợ phải trả) thuần có gốc ngoại tệ của Công ty như sau:

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền và các khoản tương đương tiền	35.952,42	1.888,43
Phải thu khách hàng	84.220,00	-
Vay và nợ	(669.334,00)	(690.284,00)
Lãi vay phải trả	(2.698,36)	-
Phải trả người bán	(141,00)	(141,00)
Nợ phải trả thuần có gốc ngoại tệ	(552.000,94)	(688.536,57)

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2015, với giả định các biến số khác không thay đổi, nếu tỷ giá hối đoái giữa VND và USD tăng/giảm 2% thì lợi nhuận sau thuế và vốn chủ sở hữu kỳ này của Công ty sẽ giảm/tăng 229.058.310 VND (năm trước giảm/tăng 279.566.504 VND) do ảnh hưởng của lỗ/lãi chênh lệch tỷ giá đánh giá lại số dư có gốc ngoại tệ của các công cụ tài chính.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Rủi ro lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến các khoản tiền gửi có kỳ hạn, các khoản vay có lãi suất thả nổi.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình thị trường để đưa ra các quyết định hợp lý trong việc chọn thời điểm vay và kỳ hạn vay thích hợp nhằm có được các lãi suất có lợi nhất cũng như duy trì cơ cấu vay với lãi suất thả nổi và cố định phù hợp.

Các công cụ tài chính có lãi suất thả nổi của Công ty như sau:

	<u>Số cuối kỳ</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>VND</u>	<u>USD</u>	<u>VND</u>	<u>USD</u>
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	-	-	-	-
Vay và nợ	(19.158.533.730)	(669.334,00)	(14.751.369.080)	(690.284,00)
Nợ phải trả thuần	(19.158.533.730)	(669.334,00)	(14.751.369.080)	(690.284,00)

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2015, với giả định các biến số khác không thay đổi, nếu lãi suất các khoản vay có lãi suất thả nổi tăng/giảm 1% thì lợi nhuận sau thuế và vốn chủ sở hữu kỳ này của Công ty sẽ giảm/tăng 146.182.546 VND (năm trước giảm/tăng 147.513.691 VND).

Rủi ro về giá hàng hóa/nguyên vật liệu

Công ty có rủi ro về sự biến động của giá hàng hóa/nguyên vật liệu. Công ty quản lý rủi ro về giá hàng hóa/nguyên vật liệu bằng cách theo dõi chặt chẽ các thông tin và tình hình có liên quan của thị trường nhằm quản lý thời điểm mua hàng, kế hoạch sản xuất và mức hàng tồn kho một cách hợp lý.

Tài sản đảm bảo

Công ty có thể chấp tài sản được hình thành từ một phần nguồn vốn vay Ngân hàng TMCP Ngoại thương – CN Trung Đô cho chính Ngân hàng này tại ngày 30 tháng 06 năm 2015.

4. Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính

Tài sản tài chính

Giá trị ghi sổ

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN Á CHÂU

Địa chỉ: Lô 32C Khu Công nghiệp Nam Cẩm, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ báo cáo kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	Giá trị ghi sổ					
	Số cuối kỳ		Số đầu năm		Giá trị hợp lý	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tiền và các khoản tương đương tiền	8.116.864.399	-	7.146.535.931	-	8.116.864.399	7.146.535.931
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	-	-	-	-	-	-
Phải thu khách hàng	18.369.140.691	-	13.936.921.621	-	17.899.713.453	13.936.921.621
Các khoản phải thu khác	30.473.981	-	32.683.981	-	30.473.981	32.683.981
Cộng	26.516.479.071	-	21.116.141.533	-	26.047.051.833	21.116.141.533

Nợ phải trả tài chính

	Giá trị ghi sổ		Giá trị hợp lý	
	Số cuối kỳ	Số đầu năm	Số cuối kỳ	Số đầu năm
	Vay và nợ	19.158.533.730	14.751.369.080	19.158.533.730
Phải trả người bán	16.133.930.740	13.066.006.877	16.133.930.740	13.066.006.877
Các khoản phải trả khác	3.956.832.887	290.724.865	3.956.832.887	290.724.865
Cộng	39.249.297.357	28.108.100.822	39.249.297.357	28.108.100.822

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên có đầy đủ hiểu biết và mong muốn giao dịch.

Công ty ước tính giá trị hợp lý của tiền và các khoản tương đương tiền, phải thu khách hàng, các khoản phải thu khác, vay, phải trả người bán và các khoản phải trả ngắn hạn khác tương đương giá trị sổ sách (đã trừ dự phòng cho phần ước tính có khả năng không thu hồi được) của các khoản mục này do có kỳ ngắn hạn.

Lập, ngày 16 tháng 07 năm 2015

Người lập biểu



Lưu Thị Thu

Kế toán trưởng



Nguyễn Văn Chương



Giám đốc

Hoàng Trọng Diên